CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: ..M.33.../2023/BBLM

Hôm nay, vào hồi ..... giờ....., ngày ..14.... tháng....3..... năm 2023.
Tại: .....Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.....
.....
Địa chỉ: .....Số 19 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, Hải Phòng.....
.....
Địa điểm quan trắc: .....Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.....
.....

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: .....Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.....
.....
Ông (Bà):.....Võ Hải Hà.....Chức vụ: .....NV.....
Ông (Bà):.....Chức vụ: .....

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC
Ông (Bà):.....Nguyễn Tường Giang.....Chức vụ: .....NV.....
Ông (Bà):.....Chức vụ: .....

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): .....Công ty Cổ phần đầu tư CM.....
.....
Ông (Bà):.....Vũ Trọng Đại.....Chức vụ: .....NV.....
Ông (Bà):.....Chức vụ: .....

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ): .....
.....
Ông (Bà):.....Chức vụ: .....
Ông (Bà):.....Chức vụ: .....

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):.....
.....
Ông (Bà):.....Chức vụ: .....
Ông (Bà):.....Chức vụ: .....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU
.....Trời không mưa.....
.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU
.....Hoạt động bình thường.....
.....

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	K1-PS	Không khí khu vực xử lý nước thải	
2.	K2-PS	Không khí khu sảnh đón khách của trung tâm sơ sinh	
3.			
4.	K3-PS	Khu vực tường rào giáp khu dân cư	
5.	KT-PS	Khí thải ống khói nồi hơi	
6.	NT-PS	Nước thải tại điểm xả cuối của bệnh viện	
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lặp. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☐Không

Ghi chú: .....

.....

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành … (0…) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ)
Võ Hải Hà	Nguyễn Thùy Giang	

ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)
	Vũ Trọng Đại

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
ĐT: (024).73.087.000/ 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

7211/BC-SYT
7210/SYT-NVY

VILAS 1222

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1101-6012 */KQPT/2023*

Tên khách hàng	:	**Công ty Cổ phần Đầu tư CM.**
Địa chỉ	:	Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc	:	**Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng** – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu	:	Không khí làm việc Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu	:	KLV.230314.15
Ngày lấy mẫu	:	14/03/2023 Thời gian phân tích: 14/03/2023-24/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 03:2019/BYT
				K1-PS	
1	H_2S	mg/m^3	*MASA Method 701*	KPH (MDL=0,003)	***15***
2	NH_3	mg/m^3	*MASA Mehod 401*	KPH (MDL=0,005)	***25***

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K1-PS	Khu vực xử lý nước thải	2307715	0596903

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 03:2019/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG QA/QC

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
ĐT: (024).73.087.000/ 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

7211/BC-SYT
7210/SYT-NVY

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: L 102 – 6012 */KQPT/2023*

VILAS 1222

Tên khách hàng	:	**Công ty Cổ phần Đầu tư CM.**
Địa chỉ	:	Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc	:	**Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng** – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu	:	Không khí làm việc Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu	:	KLV.230314.16
Ngày lấy mẫu	:	14/03/2023 Thời gian phân tích: 14/03/2023-24/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 03:2019/BYT
				K2-PS	
1	Tiếng ồn	*dBA*	*TCVN 7878-2:2018*	56,4	***85***$^{(1)}$
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	*mg/m^3*	*TCVN 5067:1995*	0,091	***8***$^{(2)}$
3	CO	*mg/m^3*	*SOP/NB/PT-105*	<7,5^a	***40***
4	SO_2	*mg/m^3*	*MASA Method 704.A*	<0,14^a	***10***
5	NO_2	*mg/m^3*	*TCVN 6137:2009*	0,082	***10***
6	HC(n-hexan)	*mg/m^3*	*CEC/SOP/HT-KK272*	KPH	-

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K2-PS	Khu vực sảnh đón khách của Trung tâm sơ sinh	2307720	0596941

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 03:2019/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

+ $^{(1)}$**QCVN 24:2016/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ $^{(2)}$**QCVN 02:2019/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.
- (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG QA/QC

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN
				KQ-PS	03:2019/BYT
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	58,4	85
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m³	TCVN 5067:1995	0,091	8
3	CO	mg/m³	SOP/MMPT-105	<2,5*	40
4	SO_2	mg/m³	MISA Method 704.1	<0,14*	20
5	NO_2	mg/m³	TCVN 6137:2009	0,082	10
6	HC (n-hexan)	mg/m³	CEC/SOP/WT-AAS/22	KPH	-

Ghi chú:

- Dòng đặc trưng:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
KQ-PS	Khu vực cạnh đón khách của Trung tâm sơ sinh	2307720	0596941

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03-2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 30 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

+ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.
- "*": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.
- (-): Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG

Đinh Thị Lụy Ái

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
ĐT: (024).73.087.000/ 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

Environment Together

VIMCERTS 230

VILAS 1222

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 537-6012 */KQPT/2023*

Tên khách hàng : **Công ty Cổ phần Đầu tư CM**
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : **Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng** – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : KXQ.230314.17
Ngày lấy mẫu : 14/03/2023 Thời gian phân tích: 14/03/2023-24/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2013/BTNMT
				K3-PS	
1	Tiếng ồn	*dBA*	*TCVN 7878-2:2018*	58,0	***70***[(1)]
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/m^3$	*TCVN 5067:1995*	75	***300***
3	CO	$\mu g/m^3$	*SOP/NB/PT-105*	<7.500[a]	***30.000***
4	SO_2	$\mu g/m^3$	*MASA Method 704.A*	<140[a]	***350***
5	NO_2	$\mu g/m^3$	*TCVN 6137:2009*	56	***200***
6	H_2S	$\mu g/m^3$	*MASA Method 701*	KPH (MDL=3)	***42***[(2)]
7	NH_3	$\mu g/m^3$	*MASA Mehod 401*	KPH(MDL=5)	***200***[(2)]
8	C_xH_y (n-hexan)*	$\mu g/m^3$	*NIOSH 1500*	KPH (LOD=10)	-[(2)]

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K3-PS	Khu vực tường rào giáp khu dân cư	2307729	0596815

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 05:2013/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (Trung bình 01 giờ).
+ [(1)]**QCVN 26:2010/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
+ [(2)]**QCVN 06:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.
- (-): Không quy định.
- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG QA/QC

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích KQ-PS	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,0	70
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m³	TCVN 5067:1995	75	300
3	CO	µg/m³	SOP/MT/PT-203	<7.500	30.000
4	SO_2	µg/m³	MASA Method 704.A	<140	350
5	NO_2	µg/m³	TCVN 6137:2009	56	200
6	H_2S	µg/m³	MASA Method 701	KPH (MDL=3)	42
7	NH_3	µg/m³	MASA Method 401	KPH (MDL=5)	200
8	C_6H_{14} (n-hexan)	µg/m³	WOSVI 1500	KPH (LOD=10)	-

Ghi chú:

- Tọa độ lấy mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
KQ-PS	Khu vực tường rào giáp khu dân cư	2307279	0596815

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (Trung bình 01 giờ).

+ (1)QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ (2)QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không quy định.

- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 127.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn
VIMCERTS 230

VILAS 1222

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 538 - 6012 */KQPT/2023*

Tên khách hàng : **Công ty Cổ phần Đầu tư CM**
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : **Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng** – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : KT.230314.18
Ngày lấy mẫu : 14/03/2023 Thời gian phân tích: 14/03/2023-24/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT-PS	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm^3	*US.EPA Method 5*	83	***200***
2.	CO	mg/Nm^3	*TCVN 7242:2003*	47	***1.000***
3.	SO_2	mg/Nm^3	*US.EPA Method 8*	22	***500***
4.	$NO_x(NO_2)$	mg/Nm^3	*TCVN 7172:2002*	30	***850***

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT-PS	Ống khói nồi hơi	2307697	0596940

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biên, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;
- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG QA/QC

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

VIMCERTS 236

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: ..... /KQPT/2023

Tên khách hàng : **Công ty Cổ phần Dầu tư CM**

Địa chỉ : Số 6/53/48 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.

Địa điểm quan trắc : **Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng** – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng

Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01

Mã mẫu : KT.230314.18

Ngày lấy mẫu : 14/03/2023 Thời gian phân tích: 14/03/2023-24/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT-PS	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm³	US EPA Method 5	83	200
2.	CO	mg/Nm³	TCVN 7243:2003	47	1.000
3.	SO_2	mg/Nm³	US EPA Method 8	22	500
4.	NO_x(NO_2)	mg/Nm³	TCVN 7172:2002	30	850

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT-PS	Ống khói nồi hơi	2307697	0596960

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;
- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp sửa thiết giảm áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn
VIMCERTS 230

VILAS 1222

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 539-6012 */KQPT/2023*

Tên khách hàng : **Công ty Cổ phần Đầu tư CM**
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : **Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng** – Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Trụ, quận Hồng bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.230314.19
Ngày lấy mẫu : 14/03/2023 Thời gian phân tích: 14/03/2023-24/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT C_{max}(Cột B)
				NT-PS	
1.	Nhiệt độ	^oC	*SMEWW 2550.B:2017*	19,0	-
2.	pH	-	*TCVN 6492:2011*	7,51	***6,5 – 8,5***
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	*mg/L*	*CEC/SOP/HT - 001*	580	-
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	*mg/L*	*TCVN 6001-1:2008*	37	***50***
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	*mg/L*	*SMEWW 5220.C:2017*	61	***100***
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	*mg/L*	*TCVN 6625:2000*	52	***100***
7.	Amoni (NH_4^+_N)	*mg/L*	*TCVN 6179-1:1996*	8,73	***10***
8.	Nitrat (NO_3^-_N)	*mg/L*	*SMEWW 4500.NO_3^-.B&E:2017*	5,51	***50***
9.	Phosphat (PO_4^{3-}_P)	*mg/L*	*TCVN 6202:2008*	1,47	***10***
10.	Sunfua (S^{2-})	*mg/L*	*SMEWW 4500.S^{2-}.B&D:2017*	0,17	***4,0***
11.	Dầu, mỡ động thực vật	*mg/L*	*SMEWW 5520.B&F:2017*	3,1	***20***
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	*Bq/L*	*TCVN 6053:2011*	KPH (MDL=0,02)	***0,1***
13.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	*Bq/L*	*TCVN 6219:2011*	KPH (MDL=0,2)	***1,0***
14.	Coliform	*MPN/ 100mL*	*SMEWW 9221.B:2017*	4.100	***5.000***
15.	Salmonella*	*Vi khuẩn/ 100mL*	*TCVN 9717:2013*	KPH	***KPH***
16.	Shigella*		*SMEWW 9260E:2017*	KPH	***KPH***
17.	Vibrio cholerae*		*SMEWW 9260H:2017*	KPH	***KPH***

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-PS	Nước thải tại điểm xả cuối	2307715	0596903

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cmax: Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột B với hệ số K=1,0.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.
- (-): Không có quy định.
- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG QA/QC

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hưu

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty